TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2022/DS-PT
Ngày 21-7-2022
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2022/QĐ-PT ngày 05/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐ-PT ngày 24/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2022/QĐ-PT ngày 23/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Trương Chí B, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*:

1. Ông Lâm Ngọc K, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Lâm Ngọc A, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lâm Ngọc K và ông Lâm Ngọc A: Ông Ngô Đình N, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Thôn B, xã H, huyện P, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên hệ: Số 20/13 đường D, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 05/11/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lâm Ngọc K và ông Lâm Ngọc A: Ông Nguyễn Bá T - Luật sư của Công ty Luật TNHH D thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trương Chí L, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Đinh Văn P, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố K, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Lê Thanh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

3 Ông Bồ Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 13, khu phố 5, thị trấn Tân Thành, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Lâm Ngọc K, ông Lâm Ngọc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2021, bản tự khai ngày 25/10/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Ngày 21/11/2019, trong quá trình Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T mời ông Trương Chí B, bà Trần Thị T và ông Lâm Ngọc A, bà Nguyễn Thị Thanh (mẹ của Lâm Ngọc A) tham gia hòa giải tranh chấp ranh đất tại thửa số 40, tờ bản đồ số 41, tọa lạc ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương thì đột nhiên ông Lâm Ngọc K (anh trai ông A) bất ngờ cầm thanh sắt chữ V dài khoảng 01m từ phía sau tiến đến đánh vào khuỷu tay trái, đầu gối phải của bà T khiến bà T ngã xuống đất. Thấy vậy, ông B chạy đến ngăn cản không cho ông K đánh bà T. Ngay lập tức, ông A chạy đến đánh ông B bằng tay. Sau đó, ông K tiếp tục dùng thanh sắt chữ V, ông A dùng tay, cùng đánh vào đầu, mặt, cổ, gáy, thắt lưng và đùi trái của ông B. Sự việc chỉ dừng lại khi được ông Nguyễn Chí Thanh, ông Trần Anh Văn – cán bộ của UBND xã T can ngăn. Ông B, bà T được gia đình đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương điều trị.

Bà Trần Thị T xác định thiệt hại như sau: Chi phí điều trị thương tích 2.304.700 đồng; thu nhập bị mất trong 45 ngày do đầu gối bị sưng, khuỷu tay bị phù nề, sưng tấy: 300.000 đồng/ngày x 45 ngày = 13.500.000 đồng; chi phí giám định tỷ lệ thương tật 2.000.000 đồng; tổn thất tinh thần trong 45 ngày do lo lắng, bất an, phiền toái: 1,5 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng/tháng = 2.235.000 đồng. Tổng cộng 20.039.700 đồng (hai mươi triệu không trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

Bà T yêu cầu ông K bồi thường thiệt hại cho bà T số tiền 20.039.700 đồng (hai mươi triệu không trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

Bà T không yêu cầu ông A bồi thường thiệt hại.

Chứng cứ nguyên đơn: Các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc điều trị thương tích – bản pho to.

Tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2021, bản tự khai ngày 25/10/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Chí B trình bày:

Ông B thống nhất lời trình bày về sự việc xảy ra ngày 21/11/2019 của bà T. Ông B yêu cầu Tòa án buộc ông K và ông A liên đới bồi thường cho ông B: Chi phí điều trị 7.876.000 đồng; thu nhập bị mất trong 99 ngày do phải điều trị thương tích và nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe 350.000 đồng/ngày x 99 ngày = 34.650.000 đồng; thu nhập bị mất của người nuôi ông B trong 09 ngày nằm viện: 350.000 đồng/ngày x 09 ngày = 3.150.000 đồng; tiền ăn của ông B trong những ngày nằm viện: 150.000 đồng/ngày x 9 = 1.350.000 đồng; tiền ăn của người nuôi ông B trong những ngày nằm viện: 150.000 đồng/ngày x 09 = 1.350.000 đồng; chi phí giám định tỷ lệ thương tật 2.000.000 đồng; thiệt hại do mắt kính bị hư hỏng 500.000 đồng; tổn thất tinh thần trong 99 ngày do phải nằm viện, lo lắng, bất an, phiền toái do bị cố ý gây thương tích: 03 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng/tháng = 4.470.000 đồng. Tổng cộng 55.346.000 đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ông B ngày 06/12/2021 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Thái Thanh Hải và ông Lê Thành Duy rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí B đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do làm mắt kính bị hư hỏng là 500.000 đồng.

Theo bản tự khai của ông Lâm Ngọc K ngày 25/10/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lâm Ngọc K trình bày:

Ông K không thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về sự việc gây thương tích.

Ông K thống nhất với nội dung sự việc gây thương tích được nêu trong Bản kết luận xác minh nguồn tin về tội phạm số 02/KLXM ngày 20/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương. Ông K chỉ không đồng ý với bản kết luận điều tra về việc ông K nhổ trụ sắt do trụ sắt này đã được nhổ trước đó. Ông K đã gây thương tích cho ông B và bà T. Ông K có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Đối với thương tích của bà Trần Thị T:

+ Không đồng ý mức bồi thường liên quan đến chi phí điều trị, yêu cầu xem xét quyết định theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thu nhập bị mất trong 45 ngày: 300.000 đồng/ngày x 45 ngày = 13.500.000 đồng.

+ Đồng ý bồi thường chi phí giám định tỷ lệ thương tật cho bà Trần Thị T 2.000.000 đồng; tổn thất tinh thần trong 01 tháng: 01 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng/tháng = 1.490.000 đồng;

Đối với thương tích của ông Trương Chí B:

+ Không đồng ý với mức bồi thường ông B yêu cầu liên quan đến chi phí điều trị, yêu cầu xem xét quyết định theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; thu nhập bị mất trong 99 ngày do ông B phải điều trị thương tích và nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe; thu nhập bị mất của người nuôi ông B trong 09 ngày nằm viện; tiền ăn của ông B trong những ngày nằm viện; tiền ăn của người nuôi ông B trong những ngày nằm viện;

+ Thống nhất liên đới với ông A bồi thường chi phí giám định tỷ lệ thương tật ông B 2.000.000 đồng;

+ Đối với bồi thường thiệt hại do mắt kính bị hư hỏng, do ông B đã rút yêu cầu nên không có ý kiến.

+ Đồng ý bồi thường cho ông B tổn thất tinh thần trong 02 tháng.

Theo bản tự khai của ông Lâm Ngọc A ngày 25/10/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lâm Ngọc A trình bày:

Ông A thống nhất lời trình bày của ông K về diễn biến sự việc gây thương tích.

Đối với việc bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông A. Ông A không có ý kiến.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B, ông A thống nhất trình bày của ông K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Chí L trình bày:

Ngày 21/11/2019, ông A và ông K đã dùng tay, thanh sắt chữ V đánh cha của ông L là ông B và mẹ của ông L là bà T. Bà T bị thương tích nhẹ nên ở nhà điều trị. Ông B thương tích nặng phải nhập viện điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương và cần người chăm sóc. Ông L phải đến bệnh viện chăm sóc cho ông B. Lúc đó, ông L đang làm việc tại garage ôtô Thanh Thanh Mai do ông Đinh Văn P làm chủ với mức lương 11.000.000 đồng/tháng. Ông L đã xin nghỉ việc từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019 để chăm sóc cho ông B ở bệnh viện nên ông L bị mất thu nhập 09 ngày. Ông L đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, ông L không có yêu cầu gì và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng ông Đinh Văn P trình bày:

Ông P là chủ Garage ôtô Thanh Thanh Mai. Ông Trương Chí L là người lao động làm việc tại garage của ông P với mức lương 11.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019 ông L có xin ông P nghỉ làm để vào bệnh viện chăm sóc cho ông B. Ông P có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng ông Lê Thanh T trình bày:

Ông T là người dân địa phương tại ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Ông T làm cạo mủ thuê cho các chủ vườn tại địa phương. Ông T biết rất rõ giá nhân công cạo mủ thuê tại ấp V. Ông T xác nhận tiền công cạo mủ thuê tại ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương là 300.000 đồng/ngày. Ông T có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng ông Bồ Văn S trình bày:

Ông S là người dân làm nghề phát cỏ, xịt thuốc vườn cho các chủ vườn tại địa phương. Ông S biết rất rõ giá nhân công phát cỏ, xịt thuốc tại ấp V. Ông S xác nhận tiền công phát cỏ, xịt thuốc thuê tại ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương là 350.000 đồng/ngày.

Do bị gây thương tích không thể làm được việc nên ngày 24/11/2019, ông B đã thuê ông S phát cỏ, xịt thuốc cho vườn cây của ông B. Giá thuê là 350.000 đồng/ngày. Ông S bắt đầu làm thuê cho ông B từ ngày 24/11/2019 đến ngày 24/01/2020 thì nghỉ tết âm lịch. Ngày 01/02/2020, ông S tiếp tục làm thuê cho ông B đến ngày 01/3/2020 thì nghỉ. Ông S có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Theo Bản kết luận xác minh nguồn tin về tội phạm số 02/KLXM ngày 20/02 năm 2020 của Công an cảnh sát điều tra công an huyện B thì sự việc gây thương tích có nội dung tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 21/11/2019, Trương Chí B cùng vợ Trần Thị T và Lâm Ngọc A, ông Lâm Ngọc K có xảy ra xô xát gây thương tích cho nhau tại khu vực đất tranh chấp tại tổ 12D, ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Trong đó, Lâm Ngọc A đã có hành vi dùng tay đánh vào mặt, ngực ông Trương Chí B và Lâm Ngọc K có hành vi dùng cây sắt đánh vào lưng ông Trương Chí B với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 00% (không phần trăm); Lâm Ngọc K dùng cây sắt đánh vào tay, chân bà Trần Thị T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 00% (không phần trăm).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Chí B về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm đối với bị đơn ông Lâm Ngọc K và ông Lâm Ngọc A.

Buộc ông Lâm Ngọc K và ông Lâm Ngọc A phải liên đới bồi thường cho ông Trương Chí B các khoản như sau: Chi phí điều trị 7.876.000 đồng; thu nhập

bị mất 18.900.000 đồng; tiền ăn của ông B trong những ngày nằm viện 1.350.000 đồng; chi phí giám định 2.000.000 đồng; thu nhập bị mất của người chăm sóc 3.150.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 2.980.00 đồng. Tổng cộng 36.256.000 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí B đối với yêu cầu ông Lâm Ngọc K và ông Lâm Ngọc A liên đới bồi thường mắt kính bị hư hỏng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm đối với bị đơn ông Lâm Ngọc K.

Buộc ông Lâm Ngọc K phải bồi thường cho bà Trần Thị T các khoản như sau: Chi phí điều trị 1.774.700 đồng; chi phí giám định 2.000.000 đồng; thu nhập bị mất 6.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 1.490.000 đồng. Tổng cộng 11.264.700 đồng (mười một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với yêu cầu ông Lâm Ngọc A bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 27/01/2022, bị đơn ông Lâm Ngọc K, ông Lâm Ngọc A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định mức tiền bồi thường của ông B 350.000 đồng/ngày, bà T 300.000 đồng/ngày là phù hợp. Bị đơn kháng cáo cho rằng số ngày điều trị, số ngày bị mất thu nhập của ông B là 54 ngày, của bà T là 20 ngày là không phù hợp. Xét thấy, ông B yêu cầu bị đơn bồi thường chi phí điều trị, thu nhập bị mất trong 99 ngày, bà T yêu cầu bồi thường chi phí điều trị, thu nhập bị mất trong 45 ngày, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét buộc bị đơn bồi thường cho ông B chi phí điều trị, thu nhập bị mất trong 54 ngày và bà T trong 20 ngày là phù hợp. Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm, bị đơn xác định không kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Chí L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Bá Tùng vắng mặt, tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nhiên có yêu cầu tiếp tục tiến hành phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông L và ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nhiên xác định không kháng cáo các phần quyết định của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện; về chi phí giám định tỷ lệ thương tật; về tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho ông B, bà T; đã hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo quy định nên các phần quyết định này của bản án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nhiên xác định chỉ kháng cáo phần quyết định về ngày thu nhập bị mất của ông B, bà T; tiền thu nhập bị mất của người nuôi ông B, tiền ăn của ông B và người nuôi ông B, đối với chi phí điều trị, yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét lại các nội dung kháng cáo trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21/11/2019, bà Trần Thị T cùng chồng là ông Trương Chí B đến khu vực đất tại tổ 12D, ấp V để cùng cán bộ UBND xã T xác định ranh giới đất tranh chấp giữa gia đình bà T với ông K. Trong lúc ông Nguyễn Chí Thanh, ông Trần Anh Văn là cán bộ thuộc UBND xã T tiến hành cho hai bên xác định ranh giới đất thì bà T và ông K xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau, ông K dùng cây sắt loại sắt hình chữ V đánh vào tay bà T, thấy bà T bị đánh ông B chạy lại đánh ông K. Lúc này, ông Lâm Ngọc A thấy vậy nên xông vào đánh ông B và vật ngã ông B. Ông A dùng tay đánh vào mặt ông B, ông K dùng cây sắt loại sắt chữ V đánh vào lưng, cổ (gáy), mông ông B và ông K dùng chân đạp vào ngực ông B thì được ông Thanh và ông Văn can ngăn.

Tại Bản kết luận xác minh nguồn tin về tội phạm số 02/KLXM ngày 20/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B về vụ cố ý gây thương tích xảy ra ngày 21/22/2019 tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, kết luận: Vào ngày 21/11/2019, ông Lâm Ngọc A có hành vi dùng tay đánh vào mặt, ngực ông Trương Chí B và ông Lâm Ngọc K có hành vi dùng cây sắt đánh vào lưng ông Trương Chí B với tỷ lệ tổn thương cơ thể 00%. Ông Lâm Ngọc K dùng cây sắt đánh vào tay, chân bà Trần Thị T với tỷ lệ tổn thương cơ thể 00%. Xét hành vi của ông Lâm Ngọc K, ông Lâm Ngọc A không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 03 ngày 20/02/2020 theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngày 25/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 84, thông báo kết quả giải quyết tin báo về tội phạm như sau: Ngày 20/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với tin báo trên; ngày 24/02/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B đã thống nhất quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 02/3/2020, Công an huyện B ra Quyết định số 21/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lâm Ngọc K, hình thức phạt tiền là 2.500.000 đồng, do đã thực hiện hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

Ngày 02/3/2020, Công an huyện B ra Quyết định số 22/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lâm Ngọc A, hình thức phạt tiền là 2.500.000 đồng, do đã thực hiện hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

Ngày 02/3/2020, Công an huyện B ra Quyết định số 23/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trương Chí B, hình thức phạt tiền là 750.000 đồng, do đã thực hiện hành vi đánh nhau theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

[2.2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có cơ sở xác định ông K, ông A đã có hành vi xâm phạm sức khỏe của ông B; ông K đã có hành vi xâm phạm sức khỏe của bà T nhưng chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự; việc ông K, ông A thực hiện hành vi xâm phạm sức khỏe của ông B, bà T là lỗi cố ý. Hậu quả là ông B, bà Anh bị thiệt hại về sức khỏe nên ông K, ông A phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông B, ông K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà T.

[2.3] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông B:

- Chi phí điều trị: 7.876.000 đồng;

Theo hóa đơn chứng từ thể hiện thì chi phí điều trị của ông B gồm: Tiền chụp X quang, đơn thuốc, phiếu khám bệnh, chi phí điều trị theo toa chỉ định của bác sỹ là 7.866.474 đồng (bút lục số 16 – 19, 21 – 32). Tòa án cấp sơ thẩm, chấp nhận chi phí điều trị cho ông B với số tiền 7.876.000 đồng là chưa phù hợp, chỉ có cơ sở xác định chi phí điều trị của ông B là 7.866.474 đồng.

- Thu nhập bị mất trong 99 ngày: 350.000 đồng/ngày x 99 ngày = 34.650.000 đồng;

Tòa án cấp sơ thẩm tính ngày công lao động của ông B 350.000 đồng/ ngày là phù hợp, người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý mức 350.000 đồng/ngày, Tòa án căn cứ mức 350.000 đồng/ngày, làm cơ sở giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ, thời gian điều trị từ ngày 21/11/2019 đến ngày 29/11/2019, thời gian tái khám các ngày 03/12/2012, 10/12/2019, 08/01/2020. và đơn thuốc ngày 08/01/2020 đến ngày 13/01/2020 tương đương với 54 ngày điều trị x 350.000 đồng/ngày = 18.900.000 đồng. Xét, ông B nằm viện điều trị từ ngày

21/11/2019 đến ngày 29/11/2019 thì ra viện, ông B tái khám trong các ngày 10/12/2019, 08/01/2020. Ngày 10/12/2019, kết quả tái khám: Vận động tay chân tốt, sẹo nông (T) # 5cm đã lành. Do đó, thu nhập bị mất trong những ngày điều trị được tính là 11 ngày x 350.000 đồng = 3.850.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý trả cho ông B 20 ngày thu nhập bị mất x 350.000 đồng/ngày = 7.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho nguyên đơn nên Tòa án ghi nhận.

- Thu nhập bị mất của người nuôi ông B trong 09 ngày nằm viện: 350.000 đồng/ngày x 09 ngày = 3.150.000 đồng, là phù hợp quy định pháp luật.

- Tiền ăn của ông B trong 09 ngày nằm viện: 150.000 đồng/ngày x 09 ngày = 1.350.000 đồng và tiền ăn của người nuôi ông B trong 09 ngày nằm viện: 150.000 đồng/ngày x 09 ngày = 1.350.000 đồng, không có cơ sở chấp nhận theo quy định pháp luật.

Như vậy, ông K và ông A liên đới bồi thường cho ông B, các khoản tiền về chi phí điều trị 7.866.474 đồng, thu nhập bị mất 7.000.000 đồng, thu nhập bị mất của người nuôi ông B 3.150.000 đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà T:

- Chi phí điều trị: 2.304.700 đồng:

Theo hóa đơn chứng từ thể hiện thì chi phí điều trị của bà T trong các ngày 21/11/2019, ngày 27/11/2019, ngày 10/12/2019 gồm: Tiền chụp X quang, đơn thuốc, phiếu khám bệnh, chi phí điều trị theo toa chỉ định của bác sỹ là 1.774.700 đồng (bút lục số 44 – 43, 35 – 41). Tòa án cấp sơ thẩm, chấp nhận chi phí điều trị cho bà T với số tiền 1.774.700 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

- Thu nhập bị mất trong 45 ngày: 300.000 đồng/ngày x 45 ngày = 13.500.000 đồng; người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý mức 300.000 đồng/ngày, Tòa án căn cứ mức 300.000 đồng/ngày làm cơ sở giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn thuốc của bà T sử dụng trong 20 ngày (bút lục 38, 41) để tính thu nhập bị mất trong những ngày điều trị, phục hồi sức khỏe là: 300.000 đồng x 20 ngày = 6.000.000 đồng. Xét, công việc của bà T là cạo mủ cao su, giá nhân công cạo mủ cao su là 300.000 đồng/ngày. Trong các ngày 21/11/2019, ngày 27/11/2019, ngày 03/12/2019, ngày 09/12/2019, bà T điều trị và tái khám nên được tính thu nhập bị mất trong những ngày điều trị là 04 ngày x 300.000 đồng = 1.200.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý trả cho bà T 07 ngày thu nhập bị mất x 300.000 đồng/ngày = 2.100.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho nguyên đơn, nên Tòa án ghi nhận.

Như vậy, ông K bồi thường cho bà T các khoản tiền về chi phí điều trị 1.774.700 đồng, thu nhập bị mất 2.100.000 đồng.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần, cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo nhận định trên.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp một phần.

[4] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lâm Ngọc K, ông Lâm Ngọc A.

2. Một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, đã có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí B đối với yêu cầu ông Lâm Ngọc K và ông Lâm Ngọc A liên đới bồi thường mắt kính bị hư hỏng.

2.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với yêu cầu ông Lâm Ngọc A bồi thường thiệt hại.

2.3. Buộc ông Lâm Ngọc K và ông Lâm Ngọc A phải liên đới bồi thường cho ông Trương Chí B các khoản như sau: Chi phí giám định 2.000.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 2.980.00 đồng, tổng cộng 4.980.000 đồng (bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

2.4. Buộc ông Lâm Ngọc K phải bồi thường cho bà Trần Thị T các khoản như sau: Chi phí giám định 2.000.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 1.490.000 đồng, tổng cộng 3.490.000 đồng (ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, như sau:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Chí B về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm đối với bị đơn ông Lâm Ngọc K và ông Lâm Ngọc A.

Buộc ông Lâm Ngọc K và ông Lâm Ngọc A phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Trương Chí B các khoản tiền:

- Chi phí điều trị: 7.866.474 đồng;

- Thu nhập bị mất: 7.000.000 đồng;

- Thu nhập bị mất của người chăm sóc: 3.150.000 đồng;

Tổng cộng 18.016.474 đồng (mười tám triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng).

3.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm đối với bị đơn ông Lâm Ngọc K.

Buộc Lâm Ngọc K phải bồi thường cho bà Trần Thị T các khoản như sau:

- Chi phí điều trị: 1.774.700 đồng;

- Thu nhập bị mất: 2.100.000 đồng;

Tổng cộng 3.874.700 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Chí B và bà Trần Thị T được miễn nộp án phí.

Ông Lâm Ngọc K phải chịu số tiền 368.235 đồng (ba trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng).

Ông Lâm Ngọc K và ông Lâm Ngọc A phải liên đới chịu số tiền 1.149.824 đồng (một triệu một trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho ông Lâm Ngọc K 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009891 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Trả cho ông Lâm Ngọc A 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009892 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên Hằng